

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 19.12.2017

Phiên bản 2.1

Phần 1. Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

1.1 Định dạng sản phẩm

Số Danh Mục	820528
Tên sản phẩm	Diphenylamine for synthesis
REACH Số Đăng ký	Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn
Số CAS	122-39-4

1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo	Hóa chất để tổng hợp Để biết thêm thông tin về cách sử dụng, hãy tham khảo cổng thông tin Các hóa chất của Merck (www.merckgroup.com).
--------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty	Merck KGaA * D-64271 Darmstadt * Đức* ĐT: +49 61 51 72-0
Đơn vị phụ trách	Cty TNHH Merck Việt Nam Lầu 9, CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Q.Phú Nhuận, TP.HCM Thời gian làm việc: Thứ 2 đến thứ 6 (8:00 đến 17:00)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 820528
Tên sản phẩm Diphenylamine for synthesis

Đại diện khu vực Cty TNHH Merck Việt Nam
Lầu 9, CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi,
Q.Phú Nhuận, TP.HCM

1.4 Điện thoại khẩn cấp ĐT: +84 8 38420100/ + 84 8 38420117

Phần 2. Nhận dạng các nguy cơ

2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp

Phân loại (Quy định số 1272/2008 (EC))

Độc tính cấp tính, Nhóm 3, Hít phải, H331

Độc tính cấp tính, Nhóm 3, Về da, H311

Độc tính cấp tính, Nhóm 3, Đường miệng, H301

Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần, Nhóm 2, Thận, Gan, H373

Độc tính cấp tính đối với thủy sinh vật, Nhóm 1, H400

Độc tính thủy sinh lâu dài, Nhóm 1, H410

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

2.2 Các yếu tố nhãn

Dán nhãn (Quy định số 1272/2008 (EC))

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H301 + H311 + H331 Gây độc nếu nuốt phải, tiếp xúc với da hoặc hít phải.

H373 Có thể gây tổn thương các cơ quan (Thận, Gan) khi phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.

H410 Rất độc đối với thủy sinh vật do có các ảnh hưởng lâu dài.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

820528

Tên sản phẩm

Diphenylamine for synthesis

Các lưu ý phòng ngừa

Biện pháp phòng ngừa

P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.

P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ.

Biện pháp ứng phó

P302 + P352 NẾU TIẾP XÚC LÊN DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng.

P304 + P340 NẾU HÍT PHẢI: Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ nghỉ ngơi ở tư thế dễ thở.

P308 + P310 Nếu bị phơi nhiễm hoặc có băn khoăn: Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sỹ.

Ghi nhãn bị giảm (≤ 125 ml)

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H301 + H311 + H331 Gây độc nếu nuốt phải, tiếp xúc với da hoặc hít phải.

Các lưu ý phòng ngừa

P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ.

P304 + P340 NẾU HÍT PHẢI: Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ nghỉ ngơi ở tư thế dễ thở.

P308 + P310 Nếu bị phơi nhiễm hoặc có băn khoăn: Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sỹ.

Số CAS

122-39-4

2.3 Các nguy cơ khác

Được biết là chưa xảy ra.

Phần 3. Thành phần/thông tin về các phụ liệu

3.1 Chất

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	820528
Tên sản phẩm	Diphenylamine for synthesis

Công thức	(C ₆ H ₅) ₂ NH	C ₁₂ H ₁₁ N (Hill)
Số EC	204-539-4	
Khối lượng mol	169,23 g/mol	

Thành phần nguy hiểm (Quy định số 1272/2008 (EC))

Tên hóa học (Nồng độ)

Số CAS	Số đăng ký	Phân loại
diphenylamine (<= 100 %)		
122-39-4	*)	Độc tính cấp tính, Nhóm 3, H331 Độc tính cấp tính, Nhóm 3, H311 Độc tính cấp tính, Nhóm 3, H301 Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần, Nhóm 2, H373 Độc tính cấp tính đối với thủy sinh vật, Nhóm 1, H400 Độc tính thủy sinh lâu dài, Nhóm 1, H410

*) Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

3.2 Hỗn hợp

Không áp dụng được

Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Lời khuyên chung

Người sơ cứu cần tự bảo vệ mình.

Sau khi hít phải: đưa ra nơi không khí trong lành. Ngay lập tức gọi bác sĩ. Nếu ngừng thở: ngay lập tức áp dụng hô hấp nhân tạo, ngoài ra, nếu cần thiết áp dụng phương pháp thở ô xy.

Trong trường hợp tiếp xúc với da: Cởi bỏ tất cả các quần áo bị nhiễm độc ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm. Gọi bác sĩ ngay lập tức.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

820528

Tên sản phẩm

Diphenylamine for synthesis

Sau khi tiếp xúc với mắt: rửa sạch bằng nhiều nước. Gọi bác sĩ nhãn khoa. Gỡ bỏ kính áp tròng.

Nếu nuốt phải: cho uống nước (nhiều nhất là hai ly). Tìm trợ giúp y tế ngay lập tức. Chỉ trong trường hợp đặc biệt, nếu không được chăm sóc y tế trong vòng một giờ, hãy gây nôn mửa (chỉ ở người hoàn toàn tỉnh táo), cho dùng than hoạt tính (20 - 40 g trong bùn 10%) và tham khảo ý kiến bác sĩ nhanh nhất có thể.

4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm

các ảnh hưởng gây kích ứng, Ho, Khó thở, Viêm da

Những điều sau đây áp dụng với amin thơm nói chung: tác dụng toàn thân: hình thành methaemoglobin với đau đầu, loạn nhịp tim, giảm huyết áp, khó thở và co thắt, triệu chứng chủ yếu: tím tái (máu đổi sang màu xanh).

4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

Không có thông tin.

Phần 5. Các biện pháp cứu hỏa

5.1 Các phương tiện chữa cháy

Các phương tiện chữa cháy phù hợp

Nước, Bọt, Carbon diôxít (CO₂), Bọt khô

Các phương tiện chữa cháy không phù hợp

Đối với chất/hỗn hợp này, không có giới hạn tác nhân dập lửa nào được cung cấp.

5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

dễ cháy

Các hơi này nặng hơn không khí và có thể lan toả dọc theo sàn nhà.

Tạo thành hỗn hợp dễ nổ khi không khí nóng quá mức.

Có thể phát sinh khí hoặc hơi dễ cháy nguy hiểm khi có lửa.

Hỏa hoạn có thể gây ra sự biến đổi của:

các khí ni tơ, các oxit ni tơ

5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

820528

Tên sản phẩm

Diphenylamine for synthesis

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa

Chỉ ở trong khu vực nguy hiểm khi có thiết bị hô hấp khép kín. Tránh tiếp xúc với da bằng cách giữ khoảng cách an toàn hoặc bằng cách mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

Thông tin khác

Làm lắng khí, hơi, sương bằng tia bụi nước. Ngăn chặn việc nước chữa cháy gây ô nhiễm cho nguồn nước mặt hoặc hệ thống nước ngầm.

Phần 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp

Lời khuyên dành cho nhân viên trong trường hợp không khẩn cấp: Tránh tạo và hít phải bụi trong mọi trường hợp. Tránh tiếp xúc với hóa chất. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Sơ tán khỏi khu vực nguy hiểm, quan sát quy trình ứng phó khẩn cấp, tham khảo ý kiến chuyên gia.

Lời khuyên dành cho người ứng cứu khẩn cấp:

Thiết bị bảo hộ xem phần 8.

6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

6.3 Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch.

Đậy cống. Thu thập, buộc và xả vết tràn. Quan sát các hạn chế về chất có thể (xem các phần 7 và 10). Cầm cẩn thận. Vứt bỏ đúng cách. Dọn sạch khu vực bị ảnh hưởng. Tránh tạo ra bụi.

6.4 Xem các mục khác

Các chỉ dẫn về xử lý chất thải xem phần 13.

Phần 7. Các lưu ý khi thao tác và lưu trữ

7.1 Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn với hóa chất

Các biện pháp phòng ngừa để sử dụng, thao tác an toàn

Quan sát các cảnh báo ghi trên nhãn.

Làm việc có mũ bảo hộ. Không hít chất/hỗn hợp.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

820528

Tên sản phẩm

Diphenylamine for synthesis

Các biện pháp vệ sinh

Thay ngay quần áo bẩn. Dùng biện pháp bảo vệ da. Rửa tay và mặt sau khi làm việc với hóa chất.

7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

Điều kiện lưu trữ

Được bảo vệ tránh ánh sáng.

Đóng chặt. Khô. Để tại nơi thông gió tốt. Để trong khu vực được khoá kín hoặc ở nơi chỉ có người có thẩm quyền hoặc đủ tiêu chuẩn mới được vào.

Nhiệt độ lưu giữ đề nghị, xem nhãn sản phẩm.

7.3 Sử dụng cụ thể

Ngoài các cách sử dụng được đề cập trong phần 1.2, không thấy trước cách sử dụng cụ thể nào khác.

Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

8.1 Các thông số kiểm soát

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

Các biện pháp kỹ thuật

Các phương pháp kỹ thuật và thao tác làm việc phù hợp phải được ưu tiên đối với việc sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân.

Xem phần 7.1.

Các biện pháp bảo hộ cá nhân

Quần áo bảo hộ cần phải được chọn cụ thể cho nơi làm việc, tùy vào nồng độ và lượng hóa chất nguy hiểm được xử lý. Phải yêu cầu thiết bị bảo vệ chống hóa chất tại nhà cung cấp tương ứng.

Bảo vệ mắt/mặt

Kính bảo hộ

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

820528

Tên sản phẩm

Diphenylamine for synthesis

Bảo vệ tay

tiếp xúc hoàn toàn:

Chất liệu găng tay: Cao su nitrile

Độ dày của găng: 0,11 mm

Thời gian thấm: > 480 min

tiếp xúc một lượng nhỏ:

Chất liệu găng tay: Cao su nitrile

Độ dày của găng: 0,11 mm

Thời gian thấm: > 480 min

Găng tay bảo hộ được sử dụng phải tuân theo các thông số của Chỉ thị EC 89/686/EEC và EN374 chuẩn có liên quan chẳng hạn KCL 741 Dermatrill® L (tiếp xúc hoàn toàn), KCL 741 Dermatrill® L (tiếp xúc một lượng nhỏ).

Số lần thử được nêu ở trên được xác định bằng KCL trong các thử nghiệm trong phòng thí nghiệm theo EN374 với các mẫu về loại găng tay được đề xuất.

Đề xuất này chỉ áp dụng cho sản phẩm được nêu trong tờ dữ liệu an toàn, do chúng tôi cung cấp và cho mục đích sử dụng được chỉ định. Khi hòa tan hoặc trộn với các hóa chất khác và trong các điều kiện sai khác với các

Thiết bị bảo hộ khác

quần áo bảo hộ

Bảo vệ hô hấp

bắt buộc khi có bụi.

Loại bộ lọc đề xuất: Bình lọc P 3 (theo DIN 3181) cho các thành phần rắn và lỏng của các hóa chất độc và rất độc

Công ty phải đảm bảo rằng việc bảo trì, lau chùi và kiểm tra thiết bị bảo vệ hô hấp được tiến hành theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Các phương pháp này phải được lập thành tài liệu đúng cách.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

Phần 9. Các tính chất vật lý và hóa học

9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học

Tờ Dữ Liệu An toàn cho mục danh mục sẵn có tại www.merckgroup.com

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	820528
Tên sản phẩm	Diphenylamine for synthesis

Hình thể	rắn
Màu sắc	màu vàng nhạt
Mùi đặc trưng	yếu
Ngưỡng mùi	Không có thông tin.
Độ pH	Không có thông tin.
Điểm/khoảng nóng chảy	53 - 54 °C
Điểm sôi/khoảng sôi	302 °C ở 1.013 hPa
Điểm chớp cháy	Khoảng 153 °C Phương pháp: c.c. DIN 51758
Tỷ lệ hóa hơi	Không có thông tin.
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Không có thông tin.
Giới hạn dưới của cháy nổ	Không có thông tin.
Giới hạn trên của cháy nổ	Không có thông tin.
Áp suất hóa hơi	Khoảng 0,0003 hPa ở 20 °C
Tỷ trọng hơi tương đối	Không có thông tin.
Mật độ	1,16 g/cm ³ ở 20 °C

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	820528
Tên sản phẩm	Diphenylamine for synthesis

Tỷ trọng tương đối	Không có thông tin.
Tính tan trong nước	Khoảng 0,05 g/l ở 25 °C
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	log Pow: 3,5 (thử nghiệm) Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi.
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin.
Nhiệt độ phân hủy	Không có thông tin.
Độ nhớt, động lực	Không có thông tin.
Đặc tính cháy nổ	Không được phân loại là dễ nổ.
Đặc tính ôxy hóa	không

9.2 Các dữ liệu khác

Nhiệt độ bốc cháy	Khoảng 630 °C DIN 51794
Mật độ lớn	Khoảng 610 kg/m ³

Phần 10. Tính ổn định và tính phản ứng

10.1 Khả năng phản ứng

Tạo thành hỗn hợp dễ nổ khi không khí nóng quá mức.

Khoảng từ 15 độ Kelvin dưới điểm chớp được xếp hạng là nguy hiểm.

Điều sau đây áp dụng chung cho các chất và hỗn hợp hữu cơ dễ cháy: trong điều kiện phân phối tốt; khi xoáy lên, nguy cơ về nổ bụi có thể xảy ra.

10.2 Tính ổn định hóa học

Tờ Dữ Liệu An toàn cho mục danh mục sẵn có tại www.merckgroup.com

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	820528
Tên sản phẩm	Diphenylamine for synthesis

Nhạy cảm với ánh sáng

Nhạy với không khí.

10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

Có thể phản ứng mạnh với:

Chất oxy hóa, Axit mạnh

10.4 Các điều kiện cần tránh

Nhiệt độ cao.

10.5 Các vật liệu xung khắc

không có thông tin

10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

trong trường hợp có hỏa hoạn: Xem chương 5.

Phần 11. Thông tin độc học

11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

Độc tính cấp theo đường miệng

Triệu chứng: Kích ứng niêm mạc

Độc tính cấp do hít phải

Triệu chứng: Kích thích màng nhầy, Ho, Khó thở

Độc tính cấp qua da

Thông tin này không có sẵn.

Kích ứng da

Thở

Kết quả: Không kích thích

IUCLID)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

820528

Tên sản phẩm

Diphenylamine for synthesis

Viêm da

Kích ứng mắt

Thông tin này không có sẵn.

Nhạy cảm

Kiểm tra miếng băng: con người

Kết quả: Âm tính

IUCLID)

Biến đổi tế bào gốc

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm

Xét nghiệm Ames

Kết quả: Âm tính

(MSDS bên ngoài)

Độc tính gây ung thư

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính đối với sinh sản

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính gây quái thai

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ)

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần

Có thể gây tổn thương các cơ quan do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.

Các cơ quan đích: Thận, Gan

Nguy cơ hô hấp

Thông tin này không có sẵn.

11.2 Thông tin khác

Hư hỏng đối với:

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

820528

Tên sản phẩm

Diphenylamine for synthesis

Gan, Thận

Nguy cơ gây ra các ảnh hưởng tích lũy.

Những điều sau đây áp dụng với amin thơm nói chung: tác dụng toàn thân: hình thành methaemoglobin với đau đầu, loạn nhịp tim, giảm huyết áp, khó thở và co thắt, triệu chứng chủ yếu: tím tái (máu đổi sang màu xanh).

Không loại trừ các đặc tính nguy hiểm khác

Chất này phải được xử lý một cách đặc biệt thận trọng.

Phần 12. Thông tin sinh thái học

12.1 Độc tính

Độc đối với cá

LC50 *Oryzias latipes* (Cá nhỏ màu vàng đỏ): 2,2 mg/l; 48 h

IUCLID)

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác

EC50 *Daphnia magna* (Bọ nước): 2,3 mg/l; 24 h

IUCLID)

Độc đối với tảo

IC50 *Desmodesmus subspicatus* (tảo lục): 1,5 mg/l; 72 h

(MSDS bên ngoài)

Độc tính đối với vi khuẩn

EC50 *Photobacterium phosphoreum* (Vi khuẩn phát huỳnh quang): 4,76 mg/l; 30 min

IUCLID)

12.2 Tính bền vững và phân hủy

Tính phân hủy sinh học

0 %; 14 d

Nguyên Tắc Kiểm Tra OECD 301C

IUCLID)

Không dễ phân hủy sinh học.

12.3 Tiềm năng tích lũy sinh học

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

820528

Tên sản phẩm

Diphenylamine for synthesis

Hệ số phân tán: n-octanol/nước

log Pow: 3,5

(thử nghiệm)

Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi.

12.4 Tính biến đổi trong đất

Không có thông tin.

12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Không có đánh giá PBT/vPvB vì đánh giá an toàn hóa chất không bắt buộc/không được tiến hành.

12.6 Các ảnh hưởng có hại khác

Cần tránh thải loại vào môi trường.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 820528
Tên sản phẩm Diphenylamine for synthesis

Phần 13. Các lưu ý về tiêu hủy

Các phương pháp xử lý chất thải

Rác thải phải được vứt bỏ theo các quy định của địa phương và nhà nước. Để nguyên hóa chất trong hộp đựng ban đầu. Không để lẫn với rác thải khác. Xử lý các hộp đựng bẩn giống như xử lý sản phẩm.

Xem www.retrologistik.com để biết quy trình về việc trả lại hóa chất và bình chứa hoặc liên hệ với chúng tôi nếu có câu hỏi nào khác.

Phần 14. Thông tin vận chuyển

Vận tải mặt đất (ADR/RID)

14.1 Số UN	UN 3077
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, SOLID, N.O.S. (DIPHENYL AMINE)
14.3 Hạng	9
14.4 Nhóm đóng gói	III
14.5 môi trường độc hại	có
14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng	có

Mã giới hạn đối với vận chuyển qua đường hầm -

Các gói nhỏ hơn hoặc bằng 5 kg / L, không phải hàng hóa nguy hiểm thuộc Nhóm 9

Vận tải đường thủy nội địa (ADN)

Không liên quan

Vận tải đường không (IATA)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	820528
Tên sản phẩm	Diphenylamine for synthesis

14.1 Số UN	UN 3077
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, SOLID, N.O.S. (DIPHENYL AMINE)
14.3 Hạng	9
14.4 Nhóm đóng gói	III
14.5 môi trường độc hại	có
14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng	không

Các gói nhỏ hơn hoặc bằng 5 kg / L, không phải hàng hóa nguy hiểm thuộc Nhóm 9

Vận tải đường biển (IMDG)

14.1 Số UN	UN 3077
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, SOLID, N.O.S. (DIPHENYL AMINE)
14.3 Hạng	9
14.4 Nhóm đóng gói	III
14.5 môi trường độc hại	có
14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng	có

EmS F-A S-F

Các gói nhỏ hơn hoặc bằng 5 kg / L, không phải hàng hóa nguy hiểm thuộc Nhóm 9

14.7 Vận chuyển khối lượng lớn theo như Phụ lục II của MARPOL 73/78 và luật IBC
Không liên quan

Phần 15. Thông tin pháp luật

15.1 Các quy định/luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

Luật pháp quốc gia

Lớp cất giữ 6.1C

15.2 Đánh giá An toàn Hóa chất

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

820528

Tên sản phẩm

Diphenylamine for synthesis

Đối với sản phẩm này, đánh giá an toàn hóa học theo quy định REACH của E U Số 1907/2006 không được thực hiện.

Phần 16. Các thông tin khác

Nội dung chi tiết của Bảng kê H có liên quan đến mục 2 và 3.

H301	Độc nếu nuốt phải.
H311	Độc khi tiếp xúc với da.
H331	Độc nếu hít phải.
H373	Có thể gây tổn thương các cơ quan do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.
H400	Rất độc đối với thủy sinh vật.
H410	Rất độc đối với thủy sinh vật do có các ảnh hưởng lâu dài.

Tư vấn về đào tạo

Cung cấp đầy đủ thông tin, chỉ dẫn và đào tạo cho người sử dụng.

Dán nhãn

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H301 + H311 + H331 Gây độc nếu nuốt phải, tiếp xúc với da hoặc hít phải.

H373 Có thể gây tổn thương các cơ quan (Thận, Gan) khi phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.

H410 Rất độc đối với thủy sinh vật do có các ảnh hưởng lâu dài.

Các lưu ý phòng ngừa

Biện pháp phòng ngừa

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

820528

Tên sản phẩm

Diphenylamine for synthesis

P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.

P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ.

Biện pháp ứng phó

P302 + P352 NẾU TIẾP XÚC LÊN DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng.

P304 + P340 NẾU HÍT PHẢI: Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ nghỉ ngơi ở tư thế dễ thở.

P308 + P310 Nếu bị phơi nhiễm hoặc có bản khoăn: Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sỹ.

Chú thích đối với các từ viết tắt sử dụng trong Bảng dữ liệu an toàn

Có thể tìm từ viết tắt và cụm từ viết tắt tại <http://www.wikipedia.org>.

Thông tin có ở đây dựa trên vốn kiến thức hiện tại của chúng tôi. Thông tin mô tả sản phẩm liên quan đến các biện pháp an toàn phù hợp. Thông tin không tuyên bố sự đảm bảo về bất kỳ đặc điểm nào của sản phẩm.